

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản số: 34/2021/HNGS-ST

Ngày: 04-8-2021

V/v "Tranh chấp

Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Vân

**Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Giáp Hồng Thanh

2. Ông Nguyễn Lâm Giang

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Nam- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên.

- Đại diện VKSND huyện Tân Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ- Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 73/2021/TLST-HNGĐ ngày 30/3/2021 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16/7/2021 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Chị Khổng Thị L, sinh năm 1975 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn Phố Thề, xã L Giới, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang

** Bị đơn:* Anh Thân Quốc H, sinh năm 1969 (có mặt)

Đều cư trú: Tổ dân phố Tân Hòa, thị trấn Nhã Nam, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn xin ly hôn ngày 22/3/2021, bản tự khai và biên bản lấy lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Khổng Thị L trình bày:

Chị và anh Thân Quốc H kết hôn ngày 22/6/2012, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Nhã Nam, huyện Tân Yên. Sau khi kết hôn vợ chồng chị về chung sống với nhau tại phố Tân Hòa, thị trấn Nhã Nam được khoảng 15 ngày thì vợ chồng về chung sống với gia đình chị tại thôn Phố Thề, xã L Giới.

Ban đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến tháng 8/2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh H thường xuyên rượu chè về chửi bới đánh đập chị vô cớ, gia đình đã nhiều lần tiến hành họp gia đình để khuyên giải anh H nhưng anh H không thay đổi. Chị đã nhiều lần bỏ nhà đi vì anh H hay đánh chị nhưng sau đó chị lại đưa con về. Năm 2013 anh H về phố Tân Hòa, thị trấn Nhã Nam sinh sống, còn mẹ con chị sinh sống cùng gia đình tại thôn Phó Thễ, xã L Giới. Hai vợ chồng ly thân nhau năm 2013 cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc gì cho nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Thân Khổng Minh Tuấn, sinh ngày 16/6/2013. Hiện con chung đang ở với chị, do chị nuôi dưỡng từ bé, ly hôn chị nhận nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Hiện chị đang làm may tại nhà thu nhập khoảng 3.000.000 đồng/tháng. Hiện chị đang được một tổ chức từ thiện xây dựng nhà tình nghĩa trên đất của bố mẹ để cho chị để mẹ con chị ở riêng. Anh H không có khả năng nuôi con, không có thu nhập vì không làm nghề gì, thỉnh thoảng lại xin chị, anh em tiền để lấy tiền ăn.

Tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Vợ chồng chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Khổng Thị L có mặt trình bày: Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và giải quyết con chung với anh H. Tài sản chung: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với anh Thân Quốc H là bị đơn trong vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các giấy tờ nhưng tại các buổi hòa giải, làm việc của Tòa án anh H đều vắng mặt không có lý do và Tòa án đã thông báo cho anh H về việc các chứng cứ Tòa án đã thu thập có trong vụ án, quyết định yêu cầu cung cấp bản tự khai và những tài liệu chứng cứ liên quan đến vụ án nếu có yêu cầu nhưng anh H không có ý kiến gì và không cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ để chứng minh cho quyền lợi của mình.

Tại phiên tòa hôm nay anh Thân Quốc H có mặt trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác định anh và chị L kết hôn năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nhã Nam, sau đó anh và chị L về chung sống với nhau ở thôn Phó Thễ, xã L Giới. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau, năm 2013 anh bỏ về phố Tân Hòa, thị trấn Nhã Nam sinh sống, hai vợ chồng ly thân nhau từ đó cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nhưng anh không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, chị L có đơn xin ly hôn anh thì anh không đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là Thân Khổng Minh Tuấn, sinh ngày 16/6/2013. Hiện con chung đang ở với chị L, do chị L nuôi dưỡng, ly hôn nếu chị L muốn nuôi con thì anh đồng ý để cho chị L nuôi dưỡng con chung và

không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L. Hiện anh đang làm thợ sửa điện gia đình có thu nhập nhưng thấp.

Tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Vợ chồng anh không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa nguyên đơn chị L, bị đơn anh H chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình. Khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị HĐXX, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Khổng Thị L được ly hôn với anh Thân Quốc H.

Về con chung: Giao cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Thân Khổng Minh Tuấn, sinh ngày 16/6/2013. Vấn đề cấp dưỡng chị L không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Khổng Thị L phải chịu 300.000 đồng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa chị L và anh H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Tân Yên thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Đối với yêu cầu xin ly hôn và giải quyết con chung của nguyên đơn chị Khổng Thị L. Hội đồng xét xử thấy:

* Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị L và anh H xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Nhã Nam, huyện Tân Yên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy, chị L và anh H có một thời gian chung sống hạnh phúc thì phát sinh mâu thuẫn do anh H thường xuyên rượu chè đánh đập chị L vô cớ, anh H đã được gia đình khuyên giải nhưng không thay đổi. Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai của chị L, chị xác định hai vợ chồng ly thân nhau từ năm 2013 cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc gì cho nhau. Tại phiên tòa anh H có mặt trình bày anh không đồng ý ly hôn nhưng anh không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, anh xác

định vợ chồng ly thân nhau từ năm 2013 cho đến nay không còn quan tâm gì đến nhau.

Tại biên bản làm việc với chính quyền địa phương cũng xác định vợ chồng chị L, anh H xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, năm 2013 anh H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở phố Tân Hòa, thị trấn Nhã Nam sinh sống, còn chị L và con ở nhà bố mẹ đẻ ở thôn Phổ Thễ, xã L Giới, chị L anh H đã sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Xét mâu thuẫn giữa chị L, anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Chị L xác định vợ chồng có 01 con chung là Thân Không Minh Tuấn, sinh ngày 16/6/2013. Hiện con chung đang ở với chị, do chị nuôi dưỡng, ly hôn chị nhận nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Hiện chị đang làm may tại nhà thu nhập khoảng 3.000.000 đồng/tháng, có đủ điều kiện để nuôi con, tại bản tự khai của cháu Tuấn cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Tại phiên tòa anh H cũng nhất trí để chị L nuôi cháu Tuấn. Như vậy, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu xin nuôi dưỡng con chung của chị L và giao cháu Tuấn cho chị L tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình và đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của cháu Tuấn. Sau khi ly hôn, anh Thân Quốc H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh H thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

* Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị L không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

* Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị L, anh H xác định không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình;

Điều 28; Điều 35; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Không Thị L được ly hôn anh Thân Quốc H.

2. Về con chung: Giao cho chị Không Thị L tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Thân Không Minh Tuấn, sinh ngày 16/6/2013. Anh Thân Quốc H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L.

Sau khi ly hôn, anh Thân Quốc H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh H thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

3. Án phí: Chị Không Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số AA/2020/0000256 ngày 30/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Yên. Xác nhận chị Không Thị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn; Bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS Tân Yên;
- UBND thị trấn Nhã Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vân